TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/KDTM-ST
Ngày: 14-05 -2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Bà Nguyễn Kim Hồng

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2016/TLST-KDTM ngày 21/6/2016 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; Địa chỉ trụ sở: 130 đường P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đại B, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L, là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 129/QĐ-DAB-PC ngày 06/02/2018 (vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH T; Địa chỉ trụ sở: 21 đường Hc, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trung K - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trung K và bà Lê Thị A; Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản không hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ sơ và tại phiên toà thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ông Nguyễn Đại B đại diện Nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/09/2012, Ngân hàng TMCP Đô – chi nhánh L đã ký Hợp đồng vay số 11001H0010/1LC với Công ty TNHH T. Theo nội dung Hợp đồng vay, các Bên thỏa thuận như sau: Phía ngân hàng cho Công ty TNHH T vay số tiền 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) trong thời hạn 12 tháng (từ ngày 19/09/2012 đến ngày 19/09/2013), lãi suất: 15%/năm (lãi suất quá hạn: 22,5%/năm), lãi suất điều chỉnh: Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất cho vay hàng tháng, tuy nhiên mức lãi suất điều chỉnh này không vượt quá mức lãi suất trần cho vay theo quy định của ngân hàng Nhà nước tại thời điểm điều chỉnh - lãi suất được điều chỉnh ngày 14/08/2013: 14%/năm (lãi suất quá hạn: 21%/năm). Hình thức trả lãi vay và nợ gốc: Trả lãi hàng tháng, trả vốn cuối kỳ. Hình thức đảm bảo nợ vay: Ông Nguyễn Trung K - Bà Lê Thị A thế chấp cho Ngân hàng Đ các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 504, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 48.098 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00300/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 436, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh L có diện tích 25.754 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00299/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 297, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 5688 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01099 ngày 27/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Võ Khắc Q, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 252, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 6583 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long Ancấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01100 ngày 27/10/2008 cho bà Trần Kim N và ông Võ Trí T, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 1373 và 1370, Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00492 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1628, 1462, 1459), Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00491 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1452), Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00490 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 225; Tờ bản đồ số 5; xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 188.2 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00744hB ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 3, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 288 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00329hB ngày 16/6/2006 cho bà Châu Thị B và ông Võ Văn B, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 26/7/2006.

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 217, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 05935/hB ngày 21/6/2004 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại 459 ấp Q1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ gốc số 172/NƠ ngày 29/06/2007 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A.

Tổng giá trị tài sản thế chấp: 5.611.500.000 đồng. (Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã trễ thanh toán lãi từ ngày 13/07/2013. Đến hạn thanh toán ngày 19/09/2013 theo hợp đồng vay số 11001H0010/1LC nhưng Công ty không thanh toán số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Tính đến ngày xét xử 14/5/2018, tổng số tiền vốn và lãi Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán cho ngân hàng là 9.117.616.467 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ một trăm mười bảy triệu sáu trăm mười sáu ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng) gồm: nợ gốc 4.487.200.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 3.087.567.533 đồng; Nợ lãi quá hạn 1.543.848.934 đồng.

Ông Nguyễn Đại B đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải trả ngay làm một lần số tiền vốn và lãi nói trên là

9.117.616.467 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ một trăm mười bảy triệu sáu trăm mười sáu ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài số tiền nói trên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/5/2018 cho đến ngày thanh toán hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Nếu khi án có hiệu lực mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không thanh toán toàn bộ số nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ**,** chi tiết như sau:

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 504, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 48.098 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00300/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 436, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 25.754 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00299/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 297, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 5688 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01099 ngày 27/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Võ Khắc Q, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 252, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 6583 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01100 ngày 27/10/2008 cho bà Trần Kim N và ông Võ Trí T, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 1373 và 1370, Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00492 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1628, 1462, 1459), Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00491 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1452), Tờ bản đồ số 3, xã Tuyên T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long

An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00490 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 225; Tờ bản đồ số 5; xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 188.2 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00744hB ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 3, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 288 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00329hB ngày 16/6/2006 cho bà Châu Thị B và ông Võ Văn B, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 26/7/2006.

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 217, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 05935/hB ngày 21/6/2004 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại 459 ấp Q1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ gốc số 172/NƠ ngày 29/06/2007 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Đại B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt và niên yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm : Giấy triệu tập ; thông báo thụ lý ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 04 năm 2018 nhưng bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Trung K và bà Lê Thị A vẫn không đến không có lý do nên tòa không ghi nhận được ý kiến và vẫn xét xử.

***Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:**

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn mặc dù được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. (vắng mặt tại buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/04/2018; phiên tòa ngày 27/04/2018).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức:

[1] Căn cứ theo Điều lệ của Ngân hàng TMCP Đ, văn bản ủy quyền số Quyết định ủy quyền số 129/QĐ-DAB-PC ngày 06/02/2018 của Tổng giám đốc thì ông Nguyễn Đại B đủ tư cách tham gia tố tụng.

[2] Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trung K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trung K, bà Lê Thị A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa vào ngày 27/4/2018, sau đó đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không cử người đại diện, thuộc trường hợp cố tình vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 11001H0010/1LC ký ngày 19/9/2012. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Hợp đồng ký kết nhằm mục đích lợi nhuận, các bên đều có đăng ký kinh doanh, thuộc về tranh chấp về kinh doanh thương mại, được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Bị đơn có trụ sở số 21 đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

[5] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Hợp đồng tín dụng số H0012-12/NT ngày 18/9/2012; Hợp đồng vay luân chuyển số 11001H0010/1LC ngày 19/09/2012; Giấy nhận nợ ngày 19/9/2012, Giấy nhận nợ ngày 24/9/2012, Giấy nhận nợ ngày 14/11/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số H0016-12/HĐTC ngày 18/9/2012 tại Phòng công chứng số M, tỉnh Long An và có đăng ký giao dịch đảm bảo vào ngày 19/9/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, tỉnh Long An có đủ căn cứ kết luận ngày 19/9/2012 Ngân hàng TMCP Đ có thỏa thuận cho Công ty TNHH T vay số tiền: 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỉ năm trăm triệu đồng); Lãi suất: 15%/năm (lãi suất quá hạn: 22,5%/năm); Lãi suất được điều chỉnh ngày 14/08/2013: 14%/năm (lãi suất quá hạn: 21%/năm); Thời hạn vay: từ ngày 19/09/2012 đến ngày 19/09/2013. Trả lãi hàng tháng trả vốn cuối kỳ. Việc cho vay nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đãm bảo cho khoản vay gồm: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 504, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 48.098 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00300/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 436, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 25.754 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00299/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 297, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 5688 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01099 ngày 27/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Võ Khắc Q, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 252, Tờ bản đồ số 8, xã T,

huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 6583 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01100 ngày 27/10/2008 cho bà Trần Kim N và ông Võ Trí T, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 1373 và 1370, Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00492 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1628, 1462, 1459), Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00491 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1452), Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00490 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 225; Tờ bản đồ số 5; xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 188.2 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00744hB ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 3, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 288 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00329hB ngày 16/6/2006 cho bà Châu Thị B và ông Võ Văn B, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 26/7/2006; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 217, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 05935/hB ngày 21/6/2004 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại 459 ấp Q1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ gốc số 172/NƠ ngày 29/06/2007 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A.

[6] Căn cứ các Giấy nhận nợ ngày 19/9/2012, Giấy nhận nợ ngày 24/9/2012, Giấy nhận nợ ngày 14/11/2012 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thì có đủ căn cứ khẳng định từ ngày 19/9/2012 đến ngày 14/11/2012 bị đơn đã nhận số tiền vay là 4.500.000.000 đồng. Trên thực tế, sau khi nhận tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi từ ngày 13/07/2013 và tiền gốc từ ngày 19/09/2013 cho đến nay. Do vậy, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH T phải thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực (trả toàn bộ khoản nợ tới hạn: 9.117.616.467 đồng). Như vậy, tổng số tiền mà Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày Tòa án xét xử là nợ gốc 4.487.200.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 3.087.567.533 đồng; Nợ lãi quá hạn

1.543.848.934 đồng. Tổng cộng là 9.117.616.467 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ một trăm mười bảy triệu sáu trăm mười sáu ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

[7] Xét về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng vay luân chuyển số 11001H0010/1LC ngày 19/09/2012 thì từ ngày 13/07/2013 cho đến nay Công ty TNHH T không thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ bất cứ khoản tiền lãi nào và từ ngày 19/09/2013 cho đến nay không thanh toán tiền nợ gốc là đã vi phạm thỏa thuận thời hạn thanh toán mặc dù đã được ngân hàng thông báo thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay luân chuyển số 11001H0010/1LC ngày 19/09/2012, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện phía Công ty trách nhiệm hữu hạn T vẫn không đến giải quyết cho thấy bị đơn không có thiện chí, việc kéo dài thời gian sẽ gây thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn. Vậy trước yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T thanh toán ngay làm một lần là có căn cứ, nên chấp nhận.

[8] Xét về mức lãi suất: 15%/năm (lãi suất quá hạn: 22,5%/năm); Lãi suất được điều chỉnh ngày 14/08/2013: 14%/năm (lãi suất quá hạn: 21%/năm); Thời hạn vay: từ ngày 19/09/2012 đến ngày 19/09/2013. Trả lãi hàng tháng trả vốn cuối kỳ là không trái với thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 11001H0010/1LC ngày 19/09/2012. Việc thỏa thuận lãi suất của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91 luật tổ chức tín dụng năm 2010 và không trái với Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà Nước nên chấp nhận. Ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 15/5/2018 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số H0012-12/NT ngày 18/9/2012, Hợp đồng vay luân chuyển số 11001H0010/1LC ngày 19/09/2012. Trong hộp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nên lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[9] Về xử lý tài sản thế chấp: xét thấy việc thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay là tự nguyện được thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật nên có giá trị thực hiện. Vì vậy trước yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nếu quá thời hạn thanh toán mà bị đơn không trả hết nợ thì nguyên đơn được quyền áp dụng các quy định của pháp luật yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[10] Ngay sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã thanh toán hết nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có trách nhiệm tiến hành làm thủ tục giải chấp các tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và trả lại các bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đã thế chấp.

Về án phí, lệ phí:

[11] Bị đơn phải chịu tiền lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ

[12] Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng phần tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí về vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự 2009 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 năm 2016 quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung K, bà Lê Thị A.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vay gốc và số tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số H0012-12/NT ngày 18/9/2012, Hợp đồng vay luân chuyển số 11001H0010/1LC ngày 19/09/2012 bao gồm: Nợ gốc 4.487.200.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 3.087.567.533 đồng; Nợ lãi quá hạn 1.543.848.934 đồng. Tổng cộng là 9.117.616.467 đồng (Chín tỷ một trăm mười bảy triệu sáu trăm mười sáu ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 15/5/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tiền lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số H0012-12/NT ngày 18/9/2012, Hợp đồng vay luân chuyển số 11001H0010/1LC ngày 19/09/2012 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Trong hộp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nên lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 14.000.000 đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã đóng cho chi phí xem xét thẩm định các tài sản tranh chấp theo phiếu thu ngày 10/02/2018.

2. Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã thanh toán hết nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có trách nhiệm tiến hành làm thủ tục giải chấp (Các

tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở) và trả lại các bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đã thế chấp, cụ thể: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 504, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 48.098 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00300/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 436, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 25.754 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00299/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 297, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 5688 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01099 ngày 27/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Võ Khắc Q, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 252, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 6583 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01100 ngày 27/10/2008 cho bà Trần Kim N và ông Võ Trí T, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 1373 và 1370, Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00492 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1628, 1462, 1459), Tờ bản đồ số 3, xã Tuyên T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00491 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1452), Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00490 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 225; Tờ bản đồ số 5; xã Kiến T, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 188.2 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00744hB ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 3, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 288 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00329hB ngày 16/6/2006 cho bà Châu Thị B và ông Võ Văn B, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 26/7/2006; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 217, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 05935/hB ngày 21/6/2004 cho ông Nguyễn Trung K

và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại 459 ấp Q1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ gốc số 172/NƠ ngày 29/06/2007 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A.

3. Trong trường hợp Công ty trách nhiện hữu hạn T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 504, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 48.098 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00300/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 436, Tờ bản đồ số 10, xã V, huyện T, tỉnh Long An có diện tích 25.754 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00299/NQSDĐ ngày 27/09/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 297, Tờ bản đồ số 8, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An có diện tích 5688 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01099 ngày 27/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Võ Khắc Q, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 252, Tờ bản đồ số 8, xã Thạnh Hưng, huyện Mộc Hóa (nay là thị xã Kiến Tường), tỉnh Long An có diện tích 6583 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long Ancấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H01100 ngày 27/10/2008 cho bà Trần Kim N và ông Võ Trí T, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 29/10/2009; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 1373 và 1370, Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00492 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1628, 1462, 1459), Tờ bản đồ số 3, xã T (nay là thị xã KT), huyện M, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00491 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số (1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1452), Tờ bản đồ số 3, xã T, huyện M (nay là thị xã KT), tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00490 ngày 30/11/2011 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 225; Tờ bản đồ số 5; xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 188.2 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00744hB ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất tọa lạc

tại thửa số 3, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang có diện tích 288 m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00329hB ngày 16/6/2006 cho bà Châu Thị B và ông Võ Văn B, đã cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A ngày 26/7/2006; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 217, Tờ bản đồ số 5, xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 05935/hB ngày 21/6/2004 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại 459 xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ gốc số 172/NƠ ngày 29/06/2007 cho ông Nguyễn Trung K và Bà Lê Thị A.

4. Án phí sơ thẩm vụ án về tranh chấp kinh doanh, thương mại:

Công ty trách nhiện hữu hạn T phải nộp tiền án phí sơ thẩm vụ án về tranh chấp kinh doanh, thương mại là 117.117.616 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu tiền án phí sơ thẩm vụ án về tranh chấp kinh doanh, thương mại. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm vụ án về tranh chấp kinh doanh, thương mại đã nộp là 57.518.245 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm mười tám ngàn hai trăm bốn mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0009520 ngày 21/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 Luật Thi hành án dân sự, Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự năm 2015 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, Công ty TNHH T, ông Nguyễn Trung K, bà Lê Thị A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục THA DS Q. 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

Đinh Hữu Đức